**TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC**

MÔN ĐỊA LÍ – KHỐI 11 - BÀI 10 – TRUNG QUỐC

**I. HƯỚNG DẪN HỌC TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **GHI CHÚ** |
| **Bài 11: ĐÔNG NAM Á** | **Tiết 1: Tự nhiên, dân cư và xã hội*****I. Tự nhiên******II. Dân cư và xã hội*****Tiết 2: Kinh tế*****I. Cơ cấu kinh tế******II. Công nghiệp******III. Dịch vụ******III. Nông nghiệp*** |
| *Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu* | Học sinh nghiên cứu SGK Địa lí 11 Bài “**Đông Nam Á**” (Nếu HS không có SGK có thể tham khảo nội dung kiến thức trọng tâm đính kèm)**Học sinh trả lời các câu hỏi sau:**Câu 1: Nêu những thuận lợi và khó khăn về điều kiện tự nhiên trong sự phát triển kinh tế của Đông Nam Á?Câu 2: Trình bày sự phát triển nông nghiệp của Đông Nam Á? |
| *Hoạt động 2: Kiểm tra đánh giá quá trình tự học* | - Học sinh cần nắm được kiến thức trọng tâm của bài học.- Hoàn thành bài tập củng cố- Gửi lại thông tin phản hồi nếu gặp khó khăn trong quá trình tự học |

**II. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

**Tiết 1:**

**I. Tự nhiên**

**1. Vị trí địa lí và lãnh thổ**

* Nằm ở đông nam châu Á, tiếp giáp Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương, cầu nối giữa lục địa Á-Âu với Lục địa Úc.
* ĐNÁ bao gồm hệ thống bán đảo, đảo, quần đảo xen giữa biển rất phức tạp.
* ĐNÁ có vị trí quan trọng, nơi giao thoa của nhiều nền văn hóa lớn, nơi các cường quốc cạnh tranh ảnh hưởng.
* Diện tích: 4,5 triệu km2.
* Gồm 11 quốc gia: Việt Nam, Lào, Campuchia, Singapo, Thái Lan, Mianma, Malaysia, Indonexia, Philippin, Brunay, Đông timo.

**2. Điều kiện tự nhiên**

a. Đông Nam Á lục địa:

* Địa hình:
	+ Gồm các dãy núi chạy theo hướng Tây Bắc – Đông Nam hoặc Bắc – Nam.
	+ Ven biển có các đồng bằng châu thổ màu mỡ.
* Khí hậu, sinh vật:
	+ Nhiệt đới, gió mùa
	+ Đa dạng: Rừng nhiệt đới ẩm, rừng xavan, xavan cây bụi.
* Sông ngòi, biển:
	+ Dày đặc sông lớn
	+ Đường bờ biển dài
* Đất đai, khoáng sản:
	+ Đất màu mỡ: feralit, phù sa…
	+ Đa dạng: than, sắt, dầu khí…

b. Đông Nam Á biển đảo :

* Địa hình:
	+ Ít đồng bằng nhưng màu mỡ, nhiều đồi núi, núi lửa
	+ Nhiều đảo và quần đảo.
* Khí hậu, sinh vật:
	+ Nhiệt đới gió mùa, xích đạo
	+ Rừng xích đạo ẩm thấp
* Sông ngòi:
	+ Sông ngắn và dốc, ít.
	+ Vùng biển rộng lớn: Thái Bình Dương, Ấn Độ Dương.
* Đất đai, khoáng sản:
	+ Đất đai màu mỡ: phù sa, Feralit…
	+ Khoáng sản phong phú: than, thiếc, đồng, dầu mỏ…

**3. Đánh giá điều kiện tự nhiên của Đông Nam Á**

a. Thuận lợi:

* Phát triển nông nghiệp nhiệt đới.
* Phát triển kinh tế biển (trừ Lào).
* Nhiều khoáng sản => Phát triển công nghiệp.
* Nhiều rừng => Phát triển lâm nghiệp.
* Phát triển du lịch

b. Khó khăn:

* Thiên tai: Động đất, núi lửa, bão, lũ lụt…
* Suy giảm rừng, xói mòn đất…

c. Biện pháp:

* Khai thác và sử dụng hợp lí tài nguyên.
* Phòng chống, khắc phục thiên tai.

**II. Dân cư và xã hội**

**1. Dân cư**

* Dân số đông, mật độ cao.
* Tỉ suất gia tăng tự nhiên còn cao nhưng đang suy giảm.
* Dân số trẻ.
* Nguồn lao động tuy dồi dào nhưng trình độ còn hạn chế => ảnh hưởng tới vấn đề việc làm và nâng cao chất lượng
cuộc sống.
* Phân bố dân cư không đều: tập trung ở đồng bằng, ven biển, vùng đất đỏ.

**2. Xã hội**

* Các quốc gia có nhiều dân tộc
* Một số dân tộc phân bố rộng => ảnh hưởng quản lí, xã hội, chính trị.
* Là nơi giao thoa của nhiều nền văn hóa và tôn giáo lớn.
* Phong tục, tập quán, sinh hoạt văn hóa có nhiều nét tương đồng.

**Tiết 2:**

**I. Cơ cấu kinh tế**

* Có sự thay đổi trong cơ cấu kinh tế theo hướng: giảm tỉ trọng của nông nghiệp và tăng tỉ trọng của công nghiệp, dịch vụ trong GDP.
* Nguyên nhân: do phát triển nhanh công nghiệp và dịch vụ.

**II. Công nghiệp**

* Phát triển theo hướng tăng cường liên doanh, liên kết với nước ngoài, hiện đại hóa thiết bị, chuyển giao công nghệ và đào tạo kĩ thuật cho người lao động, sản xuất các mặt hàng xuất khẩu => tích lũy vốn.
* Các ngành:
	+ Sản xuất và lắp ráp ô tô, thiết bị điện tử
	+ Khai thác khoáng sản: dầu khí, than, …
	+ Dệt may, da giày, chế biến thực phẩm, … => Xuất khẩu.

**III. Dịch vụ**

* Giao thông vận tải được mở rộng và tăng thêm.
* Thông tin liên lạc cải thiện và nâng cấp.
* Hệ thống ngân hàng và tín dụng được phát triển và hiện đại.

**IV. Nông nghiệp**

Nền nông nghiệp nhiệt đới, giữ vai trò quan trọng.

**1. Trồng lúa nước**

* Cây lương thực truyền thống và quan trọng.
* Sản lượng không ngừng tăng.
* Thái Lan và Việt Nam là những nước xuất khẩu gạo nhiều nhất trên thế giới.

**2. Trồng cây công nghiệp**

* Có cao su, cà phê, hồ tiêu,.. => chủ yếu để xuất khẩu.

**3. Chăn nuôi, đánh bắt và nuôi trồng thủy hải sản**

* Chăn nuôi tuy có số lượng nhiều nhưng chưa thành ngành chính: trâu bò, lợn, gia cầm.
* Ngành nuôi trồng đánh bắt thủy hải sản là ngành truyền thống và đang phát triển.

**III. BÀI TẬP CỦNG CỐ**

**Câu 1.** Cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của các nước Đông Nam Á những năm gần đây chuyển dịch theo hướng

1. Giảm tỉ trọng khu vực I, tăng tỉ trọng khu vực II và III.
2. Giảm tỉ trọng khu vực I và khu vực II, tăng tỉ trọng khu vực III.
3. Tăng tỉ trọng khu vực I, giảm tỉ trọng khu vực II và III.
4. Tỉ trọng các khu vực có sự thay đổi không đáng kể.

**Câu 2.** Một trong những hướng phát triển công nghiệp của các nước Đông Nam Á hiện nay là

1. Chú trọng sản xuất phục vụ nhu cầu trong nước.
2. Tăng cường liên doanh, liên kết với nước ngoài.
3. Phát triển các ngành đòi hỏi nguồn vốn lớn.
4. Ưu tiên phát triển các ngành truyền thống.

**Câu 3:** Bốn đồng bằng lớn ở Đông Nam Á lục địa được sắp xếp thứ từ Đông sang Tây như nào sau đây?

A. I-ra-oa-di, Mê-nam, Mê-công, sông Hồng.

B. Mê-công, sông Hồng, Mê-nam, I-ra-oa-di.

C. Sông Hồng, Mê-công, Mê-nam, I-ra-oa-di.

D. Mê-nam, Mê-công, sông Hồng, I-ra-oa-di

**Câu 4:** Chế độ mưa ở các nước Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á hải đảo diễn biến như thế nào sau đây?

A. Các nước lục địa mưa quanh năm, các nước hải đảo mưa theo mùa.

B. Các nước lục địa mưa theo mùa, các nước hải đảo mưa quanh năm.

C. Cả khu vực Đông Nam Á mưa quanh năm.

D. Cả khu vực Đông Nam Á mưa theo mùa.

**Câu5:** Các nước Đông Nam Á cần có sự hợp tác với nhau, để sử dụng hiệu quả tài nguyên nào sau đây?

A. Rừng nhiệt đới.

B. Đất đồng bằng

C. Sông Mê-công, biển Đông.

D. Cao nguyên đất đỏ badan

**IV. PHẢN HỒI THÔNG TIN**

(Những thắc mắc của học sinh trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập)

**TRƯỜNG THPT TẠ QUANG BỬU**

**LỚP**:...............

**HỌ VÀ TÊN HỌC SINH:**.........................................................

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **MÔN**  | **NỘI DUNG HỌC TẬP** | **CÂU HỎI CỦA HỌC SINH** |
| **ĐỊA LÍ** | **Bài 8: ĐÔNG NAM Á****Tiết 1: Tự nhiên, dân cư và xã hội*****I. Tự nhiên******II. Dân cư và xã hội*****Tiết 2: Kinh tế*****I. Cơ cấu kinh tế******II. Công nghiệp******III. Dịch vụ******III. Nông nghiệp*** | 1. ......................................................................................................................................................2. ......................................................................................................................................................3. ...................................................................................................................................................... |
| **ĐÁP ÁN BÀI TẬP CỦNG CỐ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **1-** | **2-** | **3-** | **4-** | **5-** |

 |